

Số: /GPMT-UBND

Phước Long, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung hồ sơ, Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, chế biến hạt điều” do Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Công văn số 02/CV-GPMT ngày 25/02/2025.

Xét đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-TNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước, địa chỉ tại thôn Nhon Hòa 1, xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, chế biến hạt điều”, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Nhon Hòa 1, xã Long Giang, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên mã số 3801111074 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 10 năm 2015 đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/02/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.

1.4. Mã số thuế: 3801111074.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến hạt điều xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước được thực hiện tại thôn Nhơn Hòa 1, Xã Long Giang, Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Diện tích: 2.831,3m².

- Quy mô: Tổng mức đầu tư cơ sở: 50.000.000.000VNĐ. Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Sản xuất, chế biến hạt điều nhân trắng với công suất 1.000 tấn/năm và hạt điều rang muối với công suất 3.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Đảm bảo giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước:

1. Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47, Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Văn phòng HĐND và UBND thị xã đăng công khai nội dung giấy phép môi trường này lên trang thông tin điện tử của UBND thị xã. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường, UBND xã Long Giang tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Trang Thông tin điện tử UBND thị xã;
- UBND xã Long Giang;
- Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Nước thải sinh hoạt và sản xuất gom chung về một hệ thống xử lý nước thải, nước sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40: 201/BTNMT cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Nguồn 01: Nước thải từ sinh hoạt công nhân viên
- Nguồn 02: Nước thải từ ngâm hạt điều rang muối
- Nguồn 03: Nước thải từ hấp hạt điều
- Nguồn 04: Nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:
- + Nguồn số 1: 2,025m³
- + Nguồn số 2: 20m³
- + Nguồn số 1: 0,5m³
- + Nguồn số 2: 0,5m³
- Dòng nước thải:
- + Số lượng dòng thải đề nghị cấp phép: 01
- Dòng số 1: Sau HTXL nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Đất trong khuôn viên nhà máy

2.2. Vị trí xả nước thải:

Stt	Vị trí	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X	Y	
1	Ống thoát nước thải sau HTXL nước thải	1.310.707,19	579.709,24	Tự chảy

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 30m³/ngày đêm.

- + Phương thức xả thải: Tự chảy
- + Chế độ xả thải: Xả liên tục

+ Chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận nước thải : Phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B– Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về nước thải công nghiệp.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5 – 9	6 tháng/lần
2	Độ màu	Pt/Co	150	
3	TSS	mg/l	100	
4	BOD ₅	mg/l	50	
5	COD	mg/l	150	
6	Tổng N	mg/l	40	
7	Tổng P	mg/l	6	
8	Amoni	mg/l	10	
9	Tổng phenol	mg/l	0,5	
10	Coliform	MPN/100ml	5000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải

Nước thải sinh hoạt công nhân viên được dẫn vô hầm tự hoại 3 ngăn và được thu gom bằng ống nhựa PVC D=114 mm về khu vực xử lý tập trung

Nước thải từ hấp điều và nước xử lý lò hơi được thu gom bằng bơm chìm 1/2HP – 220V đường ống dẫn PVC 42mm

Nước từ quá trình ngâm điều rang muối được gom về hệ thống xử lý nước thải bằng đường ống PVC D=200mm

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Nước thải sản xuất → Thu gom → Điều hòa 1 → Keo tụ điện hóa → Chỉnh PH → Tạo bông → Tuyển nổi → Điều hòa 2 → Bể Anoxic → Bể MBBR → Bể Arotank → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc áp lực → Nước sạch

Công suất thiết kế: 30m³/ngày đêm

Hóa chất sử dụng: Vôi, PAC (Polyalumiimclorua), Polymer.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi, giám sát bể xử lý và hệ thống đường ống dẫn nước thải; bảo trì, bảo dưỡng định kỳ để tránh các sự cố xảy ra. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để tiến hành thu gom, hút bùn tự hoại và xử lý đúng quy định.

- Chủ động khắc phục các sự cố (nếu có), phối hợp với đơn vị cho thuê xưởng để giải quyết và báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể hệ thống, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tập huấn an toàn hóa chất, cháy nổ và an toàn môi trường cho nhân viên vận hành.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm : 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý nước thải công suất 30m³/ ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu : 01 vị trí, tương ứng với 01 dòng thải sau hệ thống xử nước thải, trong khuôn viên cơ sở Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước tại Thửa đất số 24, tờ số 07, Thôn Nhơn Hòa 1, Xã Long Giang, Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Stt	Vị trí	Tọa độ VN 2000 (múi chiếu 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X	Y	
1	Ống thoát nước thải sau HTXL nước thải.	1.310.707,19	579.709,24	Tự chảy

2.2.2. Chất lượng nước thải: Nước thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp .

2.3. Tần suất lấy mẫu : Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể :

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	Sau hệ thống xử lý nước thải	03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp khi vận hành ổn định	Mẫu đơn	PH, TSS, BOD5, COD, Tổng N, Tổng P, Độ màu, Amoni, Phenol, Coliform	QCVN 40:2011/BTNMT cột a

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phụ lục này trước khi cho thải ra môi trường.

- Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của dự án đầu tư có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chủ dự án phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả thải nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu (đốt củi) vận hành nồi hơi công suất 1,5 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Sau ống thoát khí HTXL khí thải lò hơi

- Dòng khí thải số 01: Sau khi qua hệ thống xử lý khí thải thải ra môi trường có đường ống D=400mm, cao 12m, thải liên tục trong quá trình sản xuất.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Stt	Vị trí	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X	Y	
1	<u>Dòng khí thải số 01</u> Ống thoát khí thải sau HTXL khí thải lò hơi khu hấp	1.304.656,249	584.118,290	Quạt hút cưỡng bức

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước, địa chỉ Thửa đất số 24, tờ số 07, Thôn Nhơn Hòa 1, Xã Long Giang, Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 4.800 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: 4.800 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp = 1,0; Kv = 0,8 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ,
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	6 tháng 1 lần
2	Áp suất, nhiệt độ	-	-	
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ,
4	NO _x	mg/Nm ³	680	
5	CO	mg/Nm ³	800	
6	SO ₂	mg/Nm ³	400	

Quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ (*thuộc mục 9, Phụ lục XXIX, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Chỉ phải thực hiện quan trắc định kỳ*).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

- Bụi, khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu vận hành lò hơi công suất 1,5 tấn/giờ được thu gom theo đường ống về hệ thống xử lý khí thải trước khi xả ra môi trường qua ống thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Cyclone tách bụi → Bể hấp thụ (lọc bụi nước) → Quạt hút → Ống thải.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế của mỗi hệ: 4.800m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (*theo quy định tại khoản 2, Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ*).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng các hệ thống xử lý.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng định kỳ hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; chuẩn bị thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ hư hỏng; có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý.

- Trong quá trình vận hành, khi có sự cố phải dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, báo cáo cơ quan có chức năng và tìm nguyên nhân, sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản

xuất cho tới khi khắc phục xong sự cố, đảm bảo không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 01 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 4.800 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí, tương ứng với 01 ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải lò hơi, trong khuôn viên của Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước tại Thửa đất số 24, tờ số 07, Thôn Nhơn Hòa 1, Xã Long Giang, Thị Xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Stt	Vị trí	Tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)		Phương thức xả thải
		X	Y	
1	<u>Dòng khí thải số 01</u> Ống thoát khí thải sau HTXL khí thải lò hơi khu hấp	1.304.656,249	584.118,290	Quạt hút cường bức

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép : Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu : Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể :

STT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Loại mẫu	Chỉ tiêu	Quy chuẩn so sánh
1	Sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi	03 mẫu trong 03 ngày liên tiếp khi vận hành ổn định	Mẫu đơn	Bụi, SO ₂ , NO _x , CO, lưu lượng, Áp suất, nhiệt độ	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (Kp=1;Kv=1,2)

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường :

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 và khoản 8, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy sàng điều;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy chẻ;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy bắn màu;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đóng gói tự động;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy đánh lượ;
- Nguồn số 06: Tiếng ồn phát sinh từ khu vực máy nén khí.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 106⁰15' và múi chiếu: 3⁰):

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.310.650,01; Y = 579.628,21;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1,310,658,25; Y = 579,648,89;
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1.310.683,799; Y = 579.689,795;
- Nguồn số 04: Tọa độ X = 1.310.649,597; Y = 579.639,546;
- Nguồn số 05: Tọa độ X = 1.310.687,991; Y = 579.685,208;
- Nguồn số 06: Tọa độ X = 1.310.664,217; Y = 579.646,481;
- Nguồn số 07: Tọa độ X = 1.310.645,16; Y = 579.677,37;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn;

- Trang bị tai nghe chống ồn cho công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn;

- Bố trí cây xanh, bãi cỏ xung quanh nhà máy và dọc theo các tuyến đường nội bộ để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Đảm bảo diện tích cây xanh đạt ít nhất 20% tổng diện tích Công ty .

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

Trong quá trình xây dựng

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực)	Rắn	06	08 02 04	KS
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5	16 01 06	NH
3	Pin, ắc quy thải	Rắn	02	16 01 12	KS
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	50	17 02 03	NH
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	10	18 02 01	KS
6	Bao bì nhựa thải chứa thành phần nguy hại	Rắn	5	18 01 03	KS
7	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Rắn	500	12 06 05	KS
Tổng cộng			578		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

Stt	Nguyên liệu	Chất thải
	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm) (2)
1	Vỏ hạt điều	8.000
2	Muối thải	408
3	Bao bì hỏng	0,2
4	Bao bì hỏng	0,01
5	Bao bì hỏng	0,02
6	Tro	4
Tổng		8.412,230

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	12,15
Tổng		12,15

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ lượng CTNH phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ vào các thùng chứa 60 lít loại chuyên dụng, có nắp đậy, chống thấm, có dán tên và dán nhãn CTNH.

- Kho lưu chứa: Diện tích 8m². Thiết kế, cấu tạo: Có kết cấu bằng tôn, sàn kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín, được trang bị đầy đủ các thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định; bên trong bố trí các thùng chứa và có dán nhãn, ghi mã CTNH cho từng loại, đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được thu gom, lưu giữ vào thùng chứa dung tích 120 m³ làm bằng thép, có mái che.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120 lít có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 10m². Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu trữ có mái che, nền khu vực lưu trữ được tráng nền kỹ để tăng khả năng chống thấm.

+ Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Công ty TNHH Đất Đỏ Bình Phước phải ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy định. Chủ cơ sở phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu để các loại chất thải gây ô nhiễm môi trường hoặc không chuyên giao, chuyên giao chất thải cho đơn vị không có chức năng xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với lò hơi, các máy nén khí, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Phước Long để kịp thời xử lý.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b, khoản 6, Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
3. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện của Công ty.
5. Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh phải thực hiện đúng các quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật liên quan./.